

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Đ
TỈNH S IÓN B I^a N

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2025/HNGĐ-ST
Ngày 19/ 03/ 2025
V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi
ly hôn"

NHÂN DANH
N- ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Đ

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Bạc Thị Liên
- Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lò Thị Hiền
2. Bà Đỗ Thị Thu Hà
- Th- ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Q - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Đ

Ngày 19 tháng 03 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Đ mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 10/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đ- a vụ án ra xét xử số 09/2025/QĐXX-ST ngày 08/01/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2025/QĐ-HPT ngày 22/01/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lò Thị T - Sinh năm 1994 (có mặt).
Trú tại: Bản N, xã A, huyện M, tỉnh Đ.
2. Bị đơn: Anh Tòng Văn P - Sinh năm 1994 (vắng mặt).
Trú tại: Bản N 1, xã N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 10/10/2024 và các bản tự khai tại Tòa án nhân dân thành phố Đ, chị Lò Thị T (nguyên đơn) trình bày:

1. Về hôn nhân: Tôi và anh Tòng Văn P tổ chức đám cưới theo phong tục và có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện M, tỉnh Đ vào ngày 09/10/2014. Chúng tôi kết hôn là tự nguyện, không bị ai ép buộc. Kết hôn và về chung sống ở nhà nội tại bản N1, xã N, thành phố Đ từ năm 2014 đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do tôi phát hiện ra anh P bị nghiện chất ma túy. Tôi và gia đình đã khuyên bảo nhiều nhưng anh P vẫn không cai được ma túy. Năm 2023 anh P đi chấp hành biện pháp xử lý hành chính cai nghiện 12 tháng đến năm 2024 anh P đi cai nghiện về nhưng chúng tôi cũng không sống cùng nhau Chúng tôi đã ly thân từ tháng 01 năm 2021 cho đến nay, Tôi và anh P cũng không còn quan tâm, thăm nom gì nhau. Vì tình cảm vợ chồng không còn

nên tôi làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Đ giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Tòng Văn P.

2. Về con chung: Tôi và anh P có 01 con chung là cháu Tòng Thanh T, sinh ngày 27/7/2015. Quan điểm của tôi xin được nuôi và chăm sóc cháu T cho đến khi cháu thành niên và có khả năng lao động.

- Về phần cấp dưỡng nuôi con chung: không yêu cầu Tòa giải quyết

3. Về tài sản: Tài sản riêng; tài sản chung; nợ phải trả; nợ lấy về và diện tích ruộng nương: Không có tài sản gì.

Ngày 15/10/2024, sau khi thụ lý vụ án Toà án nhân dân thành phố Đ đã thông báo nội dung đơn xin ly hôn với các yêu cầu cụ thể của chị T cho anh P được biết, giao Thông báo thụ lý vụ án hợp lệ cho anh P. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận Thông báo thụ lý vụ án, anh P không có ý kiến phản hồi bằng văn bản cho Tòa án. Tòa án đã triệu tập nhiều lần và tiến hành giao Thông báo phiên họp kiểm tra chứng cứ và hòa giải vụ án hợp lệ cho anh P, nhưng anh P vẫn không đến Tòa. Do vậy Tòa án vẫn tiến hành giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và Luật hôn nhân gia đình đối với các đương sự. Ngày 08/01/2025 Tòa án nhân dân thành phố Đ đã ra Quyết định xét xử và đã tổng đạt hợp lệ cho anh P nhưng anh P vẫn vắng mặt không có lý do. Tòa án đã hoãn phiên tòa và tiến hành tổng đạt Quyết định hoãn phiên tòa cho anh P.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh P đã được triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng, căn cứ tại điểm b khoản 2 Điều 227/BLTTDS, HĐXX vẫn tiến hành xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Lò Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu Tòa giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết quan hệ tài sản như nội dung trong đơn khởi kiện và bản tự khai chị đã trình bày.

- Anh P đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về Tố tụng. Bị đơn có địa chỉ tại bản N 1, xã N, thành phố Đ, tỉnh Đ do vậy vụ án xin ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đ theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39/BLTTDS.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Tòng Văn P và chị Lò Thị T tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ấ, huyện M, tỉnh Đ. Do vậy hôn nhân giữa hai người là hợp pháp.

Theo lời khai của chị T cùng đơn xác nhận tình trạng hôn nhân do trưởng bản N, xã Ấ, huyện M, tỉnh Đ xác nhận cho thấy: Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do anh P và chị T tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống vợ chồng thường xảy ra tranh cãi, anh P có chơi bời và bị nghiện chất ma túy.

Năm 2023 anh P đã bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đi cai nghiện bắt buộc 12 tháng năm 2024 anh P đi cai nghiện về nhưng anh chị đã sống ly thân, bản thân chị T cùng con gái đã về sinh sống tại bản N, xã A, huyện M, tỉnh Đ từ tháng 01/2021 cho đến nay.

Bản thân chị T xét thấy tình cảm không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh P.

Hội đồng xét xử xét thấy, để đảm bảo quyền lợi của chị T và để giải phóng cho chị thoát khỏi tình trạng hiện tại khi mà cuộc hôn nhân không thể đem lại hạnh phúc cho chị, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, vì mục đích của hôn nhân không đạt được. Hai anh chị không dành thời gian chung sống chăm sóc giúp đỡ nhau, theo Điều 19 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Nhưng hai anh chị không muốn thực hiện quyền và nghĩa vụ quy định tại điều luật này do hai anh chị đã sống ly thân hơn từ năm 2021 năm nay, như vậy không thể đảm bảo hạnh phúc gia đình cho chị T cùng con. Áp dụng Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị T xử cho ly hôn giữa chị Lò Thị T và anh Tòng Văn P

[3] Về con chung: Chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Tòng Thanh T, sinh ngày 27/7/2015.

Xét thấy hiện tại chị T mới là người có đủ điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc con chung bởi cháu đang lứa tuổi vị thành niên, xét theo nguyện vọng của cháu T có nguyện vọng ở với mẹ. Theo xác nhận của trưởng bản N và UBND xã A do anh P bị nghiện chất ma túy. Năm 2023 anh P đã bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đi cai nghiện bắt buộc 12 tháng, năm 2024 anh P đi cai nghiện về nhưng anh chị đã sống ly thân, bản thân chị T cùng con gái đã về sinh sống tại bản N, xã A, huyện M, tỉnh Đ từ tháng 01/2021 cho đến nay. Như vậy không đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của trẻ. HĐXX căn cứ Điều 69 và Điều 81; Điều 82 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận nguyện vọng của chị T. Giao con cho chị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục, anh Phương có quyền đi lại thăm con chung không ai được cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, HĐXX chấp nhận sự tự nguyện nuôi con của chị T

[5]. Về tài sản: Tài sản riêng; tài sản chung; Nợ phải trả, nợ lấy về diện tích ruộng, nương: Không có

[6]. Về án phí: Chị Lò Thị T là dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng kinh tế khó khăn của xã thuộc diện miễn án phí và có đơn xin miễn án phí. Áp dụng Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 chị T được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 19, Điều 69, Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Lò Thị T được ly hôn với anh Tòng Văn P
2. Về con chung: Chị Lò Thị T được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi d- ỡng con chung là cháu Tòng Thanh T, sinh ngày 27/7/2015 cho đến khi cháu thành niên và có khả năng lao động.

Về cấp d- ỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ng- ời không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai đ- ợc cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản: Tài sản riêng; tài sản chung; diện tích ruộng, nương, Nợ phải trả, nợ lấy về: Không có.

4. Về án phí: Căn cứ Khoản 4 Điều 147/BLTTDS, điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án, chị Lò Thị T được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án chính, hoặc bản án được niêm yết.

Nơi gửi:

- TA ND tỉnh Đ
- VKS TPĐBP
- Chi cục THADS TPĐ
- UBND xã Ấng C
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ
- Kế toán, vp

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bạc Thị Liên